

Số: /BC-SGDĐT

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành,
Ủy ban nhân dân các xã, phường; ý kiến phản biện xã hội của
Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn; ý kiến
thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết quy định
chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các
cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Quy định tại khoản 6, Điều 5 Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo việc tiếp thu các ý kiến góp ý, phản biện, thẩm định cụ thể như sau:

1. Quá trình kiến khai thực hiện

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh¹ và chỉ đạo của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh², Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các bước xây dựng dự thảo Nghị quyết, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường xây dựng dự thảo Nghị quyết này chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030 theo trình tự, đảm bảo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, cụ thể:

- Ban hành công văn số 733/SGDĐT-HCTH ngày 02/03/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030;

- Ban hành công văn số 736/SGDĐT-HCTH ngày 03/03/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030 lên cổng thông tin điện tử của tỉnh;

¹ Tại Thông báo số 214/TB-HĐND ngày 10/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông báo Ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030 và

² Văn bản số 1203/VP-KGVX ngày 12/02/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Ban hành công văn số 1142/SGDDĐT-HCTH ngày 26/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 lên cổng thông tin điện tử của tỉnh;

- Ban hành công văn số 1137/SGDDĐT-HCTH ngày 26/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản QPPL của UBND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030;

- Ban hành công văn số 1577/SGDDĐT-HCTH ngày 18/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030;

2. Kết quả tiếp thu các ý kiến góp ý

2.1. Về việc tiếp thu góp ý của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Đến ngày 24/3/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nhận được 80 ý kiến góp ý (Trong đó, 15 ý kiến các sở, ngành liên quan và 65 ý kiến của UBND xã, phường, cụ thể: 22 ý kiến góp ý chỉnh sửa và bổ xung một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, 58 ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị quyết; Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa **16** ý kiến, đề nghị giữ nguyên, làm rõ **06** ý kiến.

(Kèm theo tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết)

2.2. Về việc tiếp thu ý kiến phản biện xã hội của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Thông báo số 114/TB-MTTQ-BTT ngày 09/4/2026 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn về kết quả phản biện xã hội đối với Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu và giải trình **04** nhóm, gồm **17** ý kiến phản biện xã hội của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn; Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa **12** ý kiến, đề nghị giữ nguyên, làm rõ **05** ý kiến.

(Kèm theo tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết)

2.3. Về việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Trên cơ sở các ý kiến thẩm định tại báo cáo số 199/BC-STP ngày 30/4/2026 của Sở Tư pháp về việc Thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định

nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030, đồng thời giải trình những ý kiến yêu cầu làm rõ thêm, cụ thể: Tổng số nhóm ý kiến góp ý **03**, gồm **21** ý kiến góp ý; Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa **19** ý kiến, đề nghị giữ nguyên, làm rõ **02** ý kiến.

(Kèm theo tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết)

Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh Lạng Sơn (b/c);
- Sở Tư pháp (b/c);
- UBND các xã, phường (để biết);
- Các Sở, Ban, ngành (để biết);
- GD, PGD Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, HCTH_(NHT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Mỹ Hạnh

PHỤ LỤC I

BIỂU TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030

1. Quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Thông báo số 214/TB-HĐND ngày 10/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030 theo điểm c, khoản 01 Điều 21 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định Biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.”

Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030 gửi UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các sở, ngành liên quan và UBND xã, phường xin ý kiến góp ý.

Đến ngày 24/3/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nhận được 80 ý kiến góp ý (Trong đó, 15 ý kiến các sở, ngành liên quan và 65 ý kiến của UBND xã, phường, cụ thể: 22 ý kiến góp ý chỉnh sửa và bổ xung một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, 58 ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị quyết (Kèm theo tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết).

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030. Đồng thời giải trình những ý kiến các cơ quan, đơn vị yêu cầu làm rõ thêm.

2. Nội dung tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo nghị quyết, cụ thể như sau:

2.1. Góp ý của Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh

TT	Đơn vị	Ý kiến	Giải trình tiếp thu, chỉnh sửa
1	Sở Tư pháp		
1.1.	Đối với Dự thảo Nghị quyết		
		<p>- Về tên Nghị quyết: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét dự thảo tên gọi như sau: “Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030”.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>- Đề nghị sửa “Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025” thành: “Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15”</p> <p>- Bổ sung các căn cứ: “Luật Trẻ em số 102/2016/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 số 28/2018/QH14; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”</p> <p>- Bổ sung khổ cuối nội dung: “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030”. Bỏ căn cứ: Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước do hiện nay thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15.</p> <p>- Rà soát các nội dung tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo theo đúng Mẫu số 17-Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

		<p>- Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét dự thảo quy định rõ đối tượng áp dụng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cho các đối tượng bảo đảm phù hợp với thực tiễn, trong đó tách riêng quy định về kinh phí hỗ trợ mua sữa và kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa từ nguồn ngân sách tỉnh...</p> <p>- Bổ sung Điều khoản quy định về hiệu lực thi hành.</p> <p>- Rà soát tên các Điều tại dự thảo để đảm bảo phù hợp theo thứ tự Điều, khoản, điểm.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>- Phần nơi nhận: Tại địa chỉ nhận: “- Các Bộ: GDĐT, NV, TC, YT”; đề nghị không viết tắt; “Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp” đề nghị sửa thành: “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật-Bộ Tư pháp”.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
1.2.	Đối với dự thảo tờ trình		
		<p>Phần I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết, Mục I. Cơ sở pháp lý đề nghị xem xét sửa thành: “1. Cơ sở chính trị, pháp lý”.</p> <p>Và chuyển nội dung quy định tại trang 7 dự thảo về thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;” và theo quy định tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương” vào nội dung căn cứ pháp lý.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>Phần II. Cơ sở thực tiễn Đề nghị rà soát, dự kiến số trẻ mầm non, học sinh tiểu học học tại các cơ sở giáo dục giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh và căn cứ trên cơ sở dự kiến mức hỗ trợ sữa/học sinh/năm học, từ đó cụ thể hóa từng</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

		năm học giai đoạn 2026 - 2030 đối với từng cấp học (mầm non, tiểu học) để có đầy đủ cơ sở đưa ra cách tính và dự toán số kinh phí thực hiện đảm bảo sát với thực tiễn địa phương.	
		Về nguồn kinh phí: dự thảo dự kiến nguồn kinh phí thực hiện từ Ngân sách địa phương; Ngân sách xã/phường; Doanh nghiệp hỗ trợ; Phụ huynh đóng góp, do đó cần xem xét lấy ý kiến của phụ huynh học sinh đối với chính sách.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
2.	Thanh tra tỉnh		
2.1.	Đối với báo cáo đánh giá tác động	Báo cáo đánh giá tác động đang tập trung phân tích số liệu, kết quả triển khai thực hiện Chương trình Sửa học đường trên địa bàn tỉnh giai đoạn năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023, chưa đánh giá kết quả triển khai thực hiện của 02 năm học gần kề, vì vậy kết quả, số liệu chưa sát tình hình thực tiễn, có thể không đảm bảo độ tin cậy. Đề nghị nghiên cứu các Báo cáo kết quả thực hiện các Kế hoạch triển khai cung cấp sữa thực hiện “Chương trình Sức khỏe học đường” 03 năm gần đây của UBND tỉnh (Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 08/12/2023, Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 30/10/2024 và Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 22/9/2025) để đánh giá, phân tích số liệu đánh giá tác động của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan và cập nhật, đáng tin cậy.	<p>Các Kế hoạch được thanh tra tỉnh liệt kê Sở GDĐT đã tham mưu thực hiện nhưng với các lý do khách quan và chủ quan đều không thực hiện được việc cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh nên không có căn cứ đánh giá tác động, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm học 2023-2024 không thực hiện được theo Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 08/12/2023 do Sở GDĐT nhận được kết quả thẩm định giá của Sở Tài chính vào ngày 20/4/2024 không đủ thời gian thực hiện khi năm học chỉ còn 39 ngày. - Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 30/10/2024 Không thực hiện được do chuyển mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; - Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 22/9/2025 đến thời điểm xin ý kiến mới triển khai thực hiện cung cấp sữa từ tháng 20/02/2026.

2.2.	Đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh		
		<p>- Tại căn cứ thứ ba, dự thảo Tờ trình đang viết “Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025”, đề nghị chỉnh sửa thành “Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15” để đảm bảo đúng về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Xem xét bổ sung “Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 23/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” để cập nhật kịp thời chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>Về Phụ lục kèm theo dự thảo Tờ trình: Số liệu kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng đối với trẻ mầm non; Biểu đồ thể hiện tỷ lệ học sinh tiểu học suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi... chỉ thể hiện kết quả của năm học 2022- 2023, chưa cập nhật kết quả năm học 2023-2024, 2024-2025. Đề nghị nghiên cứu, cập nhật, bổ sung kết quả của 02 năm học liền kề (2023-2024, 2024-2025) để đảm bảo số liệu sát tình hình thực tế như ý kiến góp ý tại Mục 1 nêu trên.</p>	Đã phúc đáp tại mục 2.1.
2.3.	Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	<p>a) Về tên gọi và nội dung dự thảo Nghị Quyết</p> <p>Tên dự thảo Nghị quyết đang viết: “Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030”; còn tại Điều 2, dự thảo Nghị quyết thể hiện “Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ”, “Thời gian hỗ trợ, hình thức hỗ trợ”. Như vậy, giữa tên gọi và nội dung dự thảo Nghị quyết chưa thống nhất; đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa để đảm bảo thống nhất và đúng chủ trương, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022, Quyết định số 309/QĐ-TTr ngày 23/02/2026. Đồng thời rà soát, chỉnh sửa các nội dung liên quan trong dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị quyết.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

		<p>b) Về căn cứ</p> <p>Tại căn cứ thứ hai, dự thảo Nghị quyết đang viết “Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025”, đề nghị chỉnh sửa thành “Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15”. Lý do: như đã nêu tại Mục 2a ở trên.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
3.	Công an tỉnh		
3.1.	Đối với dự thảo Nghị quyết	<p>Tại điểm a, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, quy định đối tượng áp dụng là “Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh”. Tuy nhiên, tại mục I và mục V của dự thảo tờ trình đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo, xem xét, nghiên cứu, sửa đổi bổ sung đảm bảo quy định rõ đối tượng áp dụng.....</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>Tại Điều 2. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ và Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện của dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu kỹ các văn bảnđảm bảo tính chặt chẽ về pháp lý, đúng quy định của pháp luật và thống nhất giữa các nội dung của dự thảo Nghị quyết.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
3.2.	Đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh	<p>Tại mục 2.1. mục 2 phần I Tờ trình của Sở GDĐT..... làm rõ căn cứ để phân bổ kinh phí trong giai đoạn 2026-2030 theo hướng giảm dần như trên, đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản.</p>	<p>Về số liệu thực hiện, Sở GDĐT căn cứ số liệu cung cấp của UBND các xã, phường trong đó trong giai đoạn 2026-2030 số liệu dự toán giảm 4000 trẻ từ 111.458 trẻ xuống 107.241 là phù hợp với mức sinh giảm hiện nay của dân số tỉnh.</p> <p>Kinh phí hỗ trợ sẽ giảm theo số lượng học sinh cần hỗ trợ; bên cạnh đó số lượng trẻ mầm non và học sinh trong diện được ngân sách nhà nước hỗ trợ (nghèo, cận nghèo....) giảm phù hợp</p>

			với xu thế, định hướng phát triển chung của tỉnh giai đoạn 2026-2030.
4.	UBMTTQ Việt Nam tỉnh		
4.1.	Đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh	<p>- Dự thảo Tờ trình đã nêu các căn cứ pháp lý và thực tiễn của việc ban hành Nghị quyết, tuy nhiên cần phân tích sâu hơn một số nội dung:</p> <p>+ Cần làm rõ kết quả tổng thể của Chương trình sửa học đường trong thời gian qua, nhất là mức độ cải thiện tình trạng dinh dưỡng, chiều cao, cân nặng của trẻ em trên địa bàn tỉnh để chứng minh hiệu quả của chính sách (trong hồ sơ dự thảo nghị quyết chưa có số liệu thống kê số lượng trẻ được tham gia chương trình sửa học đường và trẻ không tham gia chương trình có sự khác biệt về tình trạng dinh dưỡng).</p>	<p>- Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào số liệu sử dụng sữa của trẻ mầm non và học sinh tiểu học của các huyện, thành phố đã đánh giá các tiêu chí chỉ tiêu về chăm sóc nuôi dưỡng hàng năm gắn với GDĐT với mức độ khái quát;</p> <p>- Việc đánh giá chuyên sâu sự khác biệt giữa những trẻ được tham gia chương trình sửa học đường và trẻ không tham gia chương trình có sự khác biệt về tình trạng dinh dưỡng cần đội ngũ y tế chuyên ngành và kinh phí thực hiện lớn. Vì vậy nội dung góp ý trên Sở Giáo dục và Đào tạo không thể thực hiện được.</p>
		+ Cần đánh giá rõ hơn những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai, đặc biệt là các vấn đề như tỷ lệ tham gia còn thấp trong một số giai đoạn, khó khăn trong công tác đấu thầu và bố trí kinh phí thực hiện chương trình, nhằm rút ra bài học, kinh nghiệm cho việc triển khai giai đoạn tiếp theo.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
		+ Đề nghị làm rõ số liệu cơ sở giáo dục, số lượng học sinh dự kiến tham gia chương trình để làm rõ tính khả thi của kinh phí triển khai thực hiện chính sách.	Sở Giáo dục và Đào tạo đã làm rõ số lượng tham gia theo từng năm học và

			phân kỳ theo từng năm tài chính đối với học sinh, trẻ mầm non của 65/65 xã tại các phụ lục kinh phí đính kèm.
		+ Đề nghị so sánh, đối chiếu với một số địa phương khác đã triển khai chương trình sửa học đường để làm rõ tính cần thiết và tính phù hợp của việc ban hành chính sách riêng của tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
		- Dự thảo Tờ trình đề nghị "Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 20% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo...", như vậy ngoài quy định chính sách hỗ trợ kinh phí mua sữa cho trẻ, còn chính sách hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện chương trình. Tuy nhiên, trong dự thảo tờ trình chưa đề cập đến chính sách này, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ, nhằm minh bạch trong đề xuất chính sách.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
4.2.	Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh		
		- Về căn cứ pháp lý: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét viện dẫn bổ sung thêm Luật Giáo dục; Luật Trẻ em và các văn bản của Chính phủ/Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình sửa học đường, về chiến lược quốc gia về dinh dưỡng (nếu áp dụng). Việc bổ sung các căn cứ nêu trên nhằm bảo đảm tính đầy đủ, chặt chẽ về cơ sở pháp lý, đồng thời bảo đảm sự thống nhất của chính sách với các quy định hiện hành trong lĩnh vực giáo dục và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
		- Về tên của Nghị quyết: Tên Nghị quyết trong dự thảo hiện nay vừa thể hiện nội dung quy định về chính sách hỗ trợ, vừa mang tính triển khai chương trình nên chưa thật sự rõ về phạm vi điều chỉnh. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh lại tên Nghị quyết theo hướng rõ nội dung chính sách như:	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

		“Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030” (trong đó Tờ trình cần thể hiện rõ chính sách 1 hỗ trợ mua sữa, chính sách 2 hỗ trợ công tác tuyên truyền...)	
		- Nội dung cụ thể của dự thảo Nghị quyết: Điều 2. Đối tượng áp dụng là trẻ mầm non, học sinh tiểu học và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030, như vậy không có sự phân biệt giữa cơ sở giáo dục công lập và tư thục, trong khi các giai đoạn trước theo báo cáo đánh giá tác động, chỉ thực hiện tại các cơ sở giáo dục công lập. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ nội dung này.	Để đảm bảo lợi ích của chính sách được quy định đến được với 100% đối tượng là trẻ mầm non, học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu đối tượng áp dụng là trẻ mầm non, học sinh tiểu học của các đơn vị, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.
		Do dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030 là chính sách đặc thù của tỉnh liên quan trực tiếp đến đông đảo đối tượng trong xã hội, đặc biệt là trẻ em, phụ huynh học sinh, các cơ sở giáo dục và chính quyền cơ sở; đồng thời có sử dụng ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện. Để bảo đảm chính sách khi ban hành có tính khả thi cao, tạo sự đồng thuận trong xã hội và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đề nghị cơ quan soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết theo quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
5.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		
5.1.	Đối với dự thảo Nghị quyết	Về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Tại khoản 1 Điều 1, phạm vi điều chỉnh ghi "các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh" nhưng phần nội dung Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chỉ đề cập "cơ sở giáo dục công	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa tại tờ trình; Tại báo cáo đánh giá tác động do thời gian năm học 2020-2021 và 2021-2023 chỉ triển khai được trên các trường

		lập". Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất cách diễn đạt trong toàn bộ hồ sơ.	công lập vì vậy số liệu đánh giá đề nghị giữ nguyên.
5.2.	Về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh	Tại mục 2.3, phần kết quả khảo sát ý kiến UBND các xã, phường còn nhiều chỗ trống chưa được cập nhật (.../65 xã, tỷ lệ ...%). Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cần đảm bảo đầy đủ thông tin, số liệu cụ thể. Đề nghị cơ quan soạn thảo cập nhật đầy đủ số liệu khảo sát trước khi trình UBND tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu bổ sung
6.	Sở Tài chính		
6.1.	Tại nội dung dự thảo Nghị quyết	- Căn cứ pháp lý: Đề nghị bỏ căn cứ “Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước” do nghị định này căn cứ theo Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 đã hết hiệu lực thi hành, đồng thời chỉnh sửa tương ứng tại các Tờ trình liên quan cho đồng nhất.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
6.2.	Tại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh	Đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại cụm từ “các đơn vị trường học, cơ sở giáo dục công lập” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (đang quy định là các cơ sở giáo dục). Đồng thời đề nghị đơn vị bổ sung văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về nội dung chỉ đạo hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh vào dự thảo Tờ trình cho đầy đủ căn cứ quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		+ Đơn vị tính tại khoản 1 (1.1 và 1.2): Đề nghị xem xét, chỉnh sửa quy định lại đơn vị tính “đ”, “đồng”, “VNĐ” thành một đơn vị tính chung cho thống nhất toàn văn bản. Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại các dự thảo Tờ trình khác có liên quan. + Tại điểm 1.2. Chi phí hỗ trợ công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện: 426.720.000 đồng. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa cụm từ “Chi phí hỗ trợ” bằng cụm từ “Kinh phí hỗ trợ” cho phù hợp và thống nhất với dự thảo Nghị quyết đang quy định, đồng thời chỉnh sửa tương tự với dự thảo Tờ trình có liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

		+ Các số liệu và mức chi theo phụ lục đính kèm: đơn vị đang dự thảo như vậy tuy nhiên chưa có phụ lục các biểu kinh phí kèm theo tại văn bản góp ý gửi các sở, ngành nên Sở Tài chính không có cơ sở để tham gia góp ý đối với nội dung tại khoản 1, mục V này. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung đầy đủ theo quy định	
7.	Sở Khoa học và Công nghệ		
7.1.	Đối với dự thảo Tờ trình của Sở Giáo dục và Đào tạo về hồ sơ Nghị quyết trình UBND tỉnh	Đề nghị chỉnh sửa thể thức trình bày: trong Phần I, nhảy từ mục 2.1 sang 2.2.2.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
7.2.	Đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	Đề nghị chỉnh sửa thể thức trình bày: trong phần IV, nhảy từ mục 2 sang 3.1.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
7.3.	Đối với báo cáo về việc đánh giá tác động của chính sách	Đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung nội dung phân tích về các yếu tố có thể ảnh hưởng đến quá trình triển khai chính sách như: mức độ tham gia của phụ huynh học sinh, biến động giá sản phẩm sữa trên thị trường, khả năng tham gia hỗ trợ của doanh nghiệp... để có cơ sở dự báo và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
7.4.	Đối với báo cáo về việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	Đề xuất nêu rõ trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về việc Nghị quyết không trùng lặp với các chính sách cấp Trung ương liên quan đến thực hiện cung cấp sữa trong trường học.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
7.5.	Đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định hoặc nguyên tắc liên quan đến việc lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm sữa, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu, mua sắm và bảo đảm chất lượng sản phẩm cung cấp cho học sinh;	Nội dung trên sẽ được làm rõ, chi tiết hoá tại kế hoạch thực hiện để bảo đảm tính phổ quát chung của Nghị quyết.

		đồng thời chú trọng các biện pháp kiểm soát chất lượng sản phẩm, bảo đảm các sản phẩm sữa cung cấp cho trẻ em và học sinh đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và dinh dưỡng theo quy định.	
		Đề nghị xem xét bổ sung nội dung về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình nhằm bảo đảm hiệu quả và tính minh bạch trong quá trình thực hiện.	
8	Sở Công thương	Nhất trí với dự thảo	
9	Sở Nội vụ	Nhất trí với dự thảo	
10	Sở Y tế	Nhất trí với dự thảo	
11	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Nhất trí với dự thảo	
12	Sở Ngoại vụ	Nhất trí với dự thảo	
13	Sở Xây dựng	Nhất trí với dự thảo	
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhất trí với dự thảo	
15	Ban Kinh tế - Cửa khẩu Đồng Đăng	Nhất trí với dự thảo	

2.2. Ủy ban nhân dân các xã/phường

TT	Đơn vị	Ý kiến	Giải trình tiếp thu, chỉnh sửa
1	Xã Vân Nham	Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân xã Vân Nham cơ bản nhất trí với nội dung trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên tại Điều 3, điểm b của dự thảo có nội dung “Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 80% trong tổng nguồn	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu

		kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030”. Việc thực hiện mức 80% đối ứng là khá cao, ngân sách xã khó có khả năng đáp ứng, do đó UBND xã kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối lại tỷ lệ hỗ trợ cho phù hợp hơn.	
2	Xã Thiện Tân	<p>Tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết quy định như sau:</p> <p>“a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 20% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 80% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030”.</p> <p>Trong năm 2025 xã Thiện Tân được UBND tỉnh giao thu ngân sách địa phương 346 triệu đồng, thực tế thực hiện được 514 triệu đồng, tăng thu 148 triệu đồng. Trong khi phần tăng thu 70% để cải cách tiền lương, phần còn lại ưu tiên thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng. Do phần lớn các nhiệm vụ chi hoạt động của xã được ngân sách Nhà nước đảm bảo 95% nên việc áp dụng mức 80% là khá cao, ngân sách xã khó có khả năng đáp ứng, do đó UBND xã kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối lại tỷ lệ hỗ trợ cho phù hợp hơn.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
3	Tân Thành	Trên tình hình thực tế ngân sách của địa phương còn nhiều khó khăn; khoản chi khác của xã chưa đáp ứng được công tác chi hỗ trợ kinh phí hỗ trợ triển khai sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học. Vì vậy, UBND xã Tân Thành đề nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ 100% số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học cho xã để việc thực hiện Nghị Quyết đạt hiệu quả cao.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu

4	Xã Chi Lăng	<p>- Nghị quyết/kế hoạch của giai đoạn 2026-2030 cần bổ sung và nêu rõ chế độ lưu sữa là lưu mỗi ngày/hộp hay lưu theo lô sữa nhận? Kinh phí lưu mẫu trích từ nguồn nào?</p> <p>- Nêu rõ, trẻ mồ côi là mồ côi cả cha lẫn mẹ; xem xét có chế độ cho trẻ mồ côi riêng cha/mẹ mà người nuôi dưỡng còn lại mất sức lao động.</p> <p>- Thời gian giao sữa hàng tháng phải đảm bảo trước ngày mùng 01 hàng tháng hoặc chậm nhất ở tuần 1 của tháng.</p>	Nội dung trên sẽ được làm rõ, chi tiết hoá tại kế hoạch thực hiện để bảo đảm tính phổ quát chung của Nghị quyết.
5	Xã Tuấn Sơn	<p>- Đề nghị bỏ cụm từ “HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN KHÓA, KỶ HỌP THỨ” dưới phần trích yếu của văn bản và cụm từ “NGHỊ QUYẾT”, theo quy định mẫu số 17, phụ lục III, kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025.</p> <p>- Đề nghị Bổ sung cụm từ “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030,” sau Xét Tờ trình....</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết không có điểm a và điểm b nhưng tại gạch đầu dòng thứ 3 lại quy định “Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc quy định tại điểm a, b khoản 1 điều này được hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa (doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ); phụ huynh đóng góp 75% kinh phí mua sữa”</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa
6	Xã Khánh Khê	<p>“a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030”</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu

7	Xã Hữu Lũng	<p>a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp, được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối đảm bảo 70% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
8	Yên Bình	<p>a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026–2030.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
9	Xã Mẫu Sơn	<p>a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026-2030 thực hiện thanh toán cho Công ty cung cấp sữa qua Kho bạc khi có hồ sơ đề nghị thanh toán của phòng Văn hoá – Xã hội.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
10	Xã Bình Gia	<p>Tại mục b Điều 3 Nguồn kinh phí thực hiện của dự thảo Nghị quyết:</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 80% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 - 2030.</p> <p>Mức hỗ trợ của xã đảm bảo 80% khá là cao, nhất là đối với các xã vùng đặc biệt khó khăn còn hạn hẹp về nguồn kinh phí của địa phương, do vậy UBND</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu

		xã đề xuất Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối lại tỷ lệ hỗ trợ của cấp xã cho phù hợp.	
11	Phường Đông Kinh	<p>Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <p>a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 - 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026-2030.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
12	Xã Tri Lễ	<p>Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <p>a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
13	Xã Nhân Lý	<p>Dự thảo quy định ngân sách tỉnh đảm bảo 20% kinh phí, ngân sách xã/phường đảm bảo 80% trong tổng nguồn kinh phí địa phương.</p> <p>UBND xã Nhân Lý đề nghị:</p> <p>- Tỉnh xem xét tăng tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với xã vùng khó khăn, nhằm giảm áp lực cho ngân sách cấp xã.</p> <p>Lý do: nguồn ngân sách của nhiều xã còn hạn chế, nếu phải đảm bảo tỷ lệ lớn kinh phí có thể gặp khó khăn khi triển khai.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu

14	Xã Chiến Thắng	<p>Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <p>a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
15	Xã Châu Sơn	<p>“Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định. 2 b) Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ giai đoạn 2026 – 2030.”</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu
16	Xã Ba Sơn	Nhất trí với dự thảo	
17	Xã Khuất Xá	Nhất trí với dự thảo	
18	Xã Hữu Liên	Nhất trí với dự thảo	
19	Xã Quốc Việt	Nhất trí với dự thảo	
20	Xã Hội Hoan	Nhất trí với dự thảo	
21	Xã Cao Lộc	Nhất trí với dự thảo	
22	Phường Tam Thanh	Nhất trí với dự thảo	
23	Xã Văn Lãng	Nhất trí với dự thảo	
24	Xã Hưng Vũ	Nhất trí với dự thảo	

25	Xã Kháng Chiến	Nhất trí với dự thảo	
26	Xã Đoàn Kết	Nhất trí với dự thảo	
27	Xã Quý Hoà	Nhất trí với dự thảo	
28	Phường Lương Văn Tri	Nhất trí với dự thảo	
29	Xã Đồng Đăng	Nhất trí với dự thảo	
30	Xã Na Sầm	Nhất trí với dự thảo	
31	Xã Thái Bình	Nhất trí với dự thảo	
32	Xã Cai Kinh	Nhất trí với dự thảo	
33	Xã Lợi Bác	Nhất trí với dự thảo	
34	Xã Thiện Long	Nhất trí với dự thảo	
35	Xã Công Sơn	Nhất trí với dự thảo	
36	Xã Hồng Phong	Nhất trí với dự thảo	
37	Xã Thống Nhất	Nhất trí với dự thảo	
38	Xã Tân Tri	Nhất trí với dự thảo	
39	Xã Thụy Hùng	Nhất trí với dự thảo	
40	Xã Hoàng Văn Thụ	Nhất trí với dự thảo	
41	Xã Yên Phúc	Nhất trí với dự thảo	

42	Phường Kỳ Lừa	Nhất trí với dự thảo	
43	Xã Vũ Lăng	Nhất trí với dự thảo	
44	Xã Thất Khê	Nhất trí với dự thảo	
45	Xã Thiện Thuật	Nhất trí với dự thảo	
46	Xã Tân Đoàn	Nhất trí với dự thảo	
47	Xã Thiện Hoà	Nhất trí với dự thảo	
48	Xã Nhất Hoà	Nhất trí với dự thảo	
49	Xã Bắc Sơn	Nhất trí với dự thảo	
50	Xã Quan Sơn	Nhất trí với dự thảo	
51	Xã Diêm He	Nhất trí với dự thảo	
52	Xã Tân Văn	Nhất trí với dự thảo	
53	Xã Đình Lập	Nhất trí với dự thảo	
54	Xã Xuân Dương	Nhất trí với dự thảo	
55	Xã Văn Quan	Nhất trí với dự thảo	
56	Xã Bằng Mạc	Nhất trí với dự thảo	
57	Xã Quốc Khánh	Nhất trí với dự thảo	
58	Xã Tràng Định	Nhất trí với dự thảo	
59	Xã Vũ Lễ	Nhất trí với dự thảo	

60	Xã Hoa Thám	Nhất trí với dự thảo	
61	Xã Vạn Linh	Nhất trí với dự thảo	
62	Xã Tân Tiến	Nhất trí với dự thảo	
63	Xã Kiên Mộc	Nhất trí với dự thảo	
64	Xã Lộc Bình	Nhất trí với dự thảo	
65	Xã Na Dương	Nhất trí với dự thảo	

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Triển khai cung cấp sữa thực hiện “Chương trình Sức khỏe học đường” cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC II

**Giải trình, tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội của Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đối với hồ sơ
Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại
các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030**

(kèm theo Báo cáo số /BC-SGDDĐT ngày /4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
I	VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH		
	<p>Đa số ý kiến nhất trí với việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026–2030, nhằm cụ thể hóa kịp thời chủ trương của Đảng và Nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, tầm vóc trẻ em. Thực tiễn triển khai Chương trình sữa học đường trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh cho thấy chương trình đã mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao nhận thức của gia đình và nhà trường về vai trò của dinh dưỡng học đường. Tuy nhiên, việc tham gia chương trình còn chưa đồng đều giữa các vùng, số lượng học sinh tham gia còn ít nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; nguyên nhân chủ yếu do điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn, mức đóng góp của phụ huynh vẫn là rào cản đối với nhiều gia đình. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ em và phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn tới.</p>	<p align="center">Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	

STT	Nội dung góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
II	VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC		
	<p>Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 được cơ quan soạn thảo căn cứ vào 02 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15.</p> <p>Tuy nhiên, để bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất và chặt chẽ về căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản định hướng có liên quan, cụ thể như: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Luật Trẻ em số 102/2016/QH13; Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045...</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	
III	VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ		
1	Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết		
	<p>- Đề nghị bổ sung tại báo cáo đánh giá tác động: bổ sung, làm rõ hơn số liệu kinh phí của doanh nghiệp và phụ huynh đóng góp hỗ trợ, số liệu các đối tượng tham gia trong giai đoạn trước; bổ sung kết quả đánh giá về hiệu quả đối với sức khỏe học sinh qua chương trình; bổ sung đánh giá nguyên nhân, hạn chế, vướng mắc của giai đoạn trước để đưa ra phân tích, rút kinh nghiệm cho giai đoạn này thực hiện được hiệu quả hơn. Rà soát thống nhất nội dung giữa báo cáo đánh giá tác động và dự thảo Tờ trình của UBND.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	

STT	Nội dung góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	<p>- Về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh: Theo dự thảo Nghị quyết có 02 nội dung được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đó là (1) kinh phí hỗ trợ mua sữa, (2) kinh phí hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, triển khai chương trình. Đề nghị bổ sung làm rõ nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách nhà nước hàng năm cho việc mua sữa là bao nhiêu? Hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, triển khai về chương trình là bao nhiêu? và kinh phí hỗ trợ tuyên truyền này được sử dụng cho những nội dung gì? Để đảm bảo minh bạch trong xây dựng chính sách.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	
2	<p>Về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh</p>		
	<p>- Về tiêu đề của nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu và bổ sung thêm các cụm từ "sữa uống tại trường", "tại các cơ sở công lập và ngoài công lập" để làm rõ nội dung và đối tượng của dự thảo nghị quyết, theo hướng như sau: "<i>Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ sữa uống tại trường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030</i>"</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên tiêu đề. Lý do: Việc quy định nội dung "sữa uống tại trường" sẽ được bổ sung làm rõ tại điều 2 để đảm bảo tên Nghị quyết ngắn gọn, khoa học.</p>	
	<p>- Điều 1. Về phạm vi, đối tượng áp dụng: Đề nghị bổ sung rõ đối tượng áp dụng tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	
	<p>- Điều 2. Nội dung và nguồn lực hỗ trợ:</p>		
	<p>+ Đề nghị chỉnh sửa tiêu đề thành: "<i>Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian và hình thức hỗ trợ</i>" để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 1, 2 của điều 2.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên tiêu đề Điều 2 "Nội dung và nguồn lực hỗ trợ" Lý do: Cụm từ nội dung hỗ trợ mang tính chất khái quát, ngắn gọn bao hàm tất cả các thành tố của chính sách hỗ trợ gồm "<i>Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian và hình thức hỗ trợ, tiêu chuẩn quy định về sữa</i>"</p>	

STT	Nội dung góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	+ Điểm a khoản 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “ <i>người trực tiếp chăm sóc</i> ” sau từ “phụ huynh” để bao quát các trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
	Về tần suất uống sữa: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu nâng từ 3 lên 5 lần/tuần đối với học sinh tiểu học nhằm bảo đảm hiệu quả dinh dưỡng.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên Lý do: Chương trình chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030 chỉ là một phần bổ sung thêm sản phẩm sữa cho trẻ trong chế độ ăn của bữa ăn học đường; căn cứ những khó khăn của phụ huynh trong quá trình đóng góp, mức độ cân đối hỗ trợ của ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được nếu kinh phí hỗ trợ tăng lên.	
	Mức hỗ trợ cho đối tượng yếu thế: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét tăng mức hỗ trợ lên 100% đối với các nhóm thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi. Nhằm bảo đảm công bằng xã hội. Nhóm đối tượng còn lại: Đề nghị nghiên cứu giảm tỷ lệ đóng góp của phụ huynh để mở rộng diện thụ hưởng.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên Lý do: căn cứ mức độ cân đối hỗ trợ của ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được nếu kinh phí hỗ trợ tăng lên. Hiện nay, sau khi tiếp thu góp ý tăng tỷ lệ hỗ trợ của tỉnh từ 20% ngân sách nhà nước lên 50% ngân sách nhà nước tổng kinh phí là: 8.979.891.984 đồng (đã tăng 5.387.935.191 đồng so với dự thảo hỗ trợ 20%); nếu tăng thêm mức hỗ trợ lên 100% đối với các nhóm thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi. Nhằm bảo đảm công bằng xã hội ước tính 4.567.435.752 đồng . Tổng kinh phí tỉnh hỗ trợ dự kiến thuộc của UBND tỉnh: 13.547.255.736 đồng gây khó khăn cho cân đối ngân sách.	

STT	Nội dung góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	<p>"Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh không thuộc thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi", đối tượng này đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu đưa chung theo hướng "Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh không thuộc hai đối tượng trên" để làm rõ toàn bộ trẻ mầm non và học sinh tiểu học đều được tham gia chương trình, dễ hiểu hơn trong công tác tuyên truyền, triển khai trên thực tế.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	
	<p>+ Điểm b, khoản 1: quy định "Hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa với tỷ lệ 1.5% tổng số kinh phí mua sữa do phụ huynh đóng góp hàng tháng". Tại điểm c, mục 2 của tờ trình có nêu như sau: vận động doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% khối lượng sữa và kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa. Như vậy, nguồn hỗ trợ này phụ thuộc vào doanh nghiệp, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ chế hỗ trợ của doanh nghiệp và kinh phí chi trả cho cán bộ, giáo viên; làm rõ lý do chỉ hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục công lập, để bảo đảm công bằng giữa cơ sở công lập và ngoài công lập vì việc triển khai thực hiện chương trình đều như nhau.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	
	<p>+ Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm một điểm c vào khoản 1 về nội dung hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai chương trình. Đây là 1 trong 2 nội dung được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tuy nhiên nội dung này chưa được đề cập tại tờ trình cũng như dự thảo nghị quyết (chỉ quy định tại khoản 1, Điều 3 về kinh phí thực hiện)</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung</p>	

STT	Nội dung góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	+ Khoản 3 (tiêu chuẩn sữa): Đây là nội dung quan trọng, đề nghị cơ quan soạn thảo tách riêng ra thành 1 điều riêng và quy định cụ thể như: tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc, kiểm định gắn với yêu cầu công khai, minh bạch, phòng chống hàng giả, hàng kém chất lượng , đồng thời quy định sửa khi được đưa đến trẻ em và học sinh uống phải đảm bảo 60 ngày trước khi hết hạn sử dụng được ghi trên hộp.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
	- Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện:		
	+ Đề nghị cân đối việc hỗ trợ cho các xã khó khăn ngân sách tỉnh đảm bảo 70-80%.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên Lý do: căn cứ mức độ cân đối hỗ trợ của ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được nếu kinh phí hỗ trợ tăng lên. Hiện nay, sau khi tiếp thu góp ý tăng tỷ lệ hỗ trợ của tỉnh từ 20% ngân sách nhà nước lên 50% ngân sách nhà nước tổng kinh phí là: 8.979.891.984 đồng (đã tăng 5.387.935.191 đồng so với dự thảo hỗ trợ 20%); nếu tăng thêm mức hỗ trợ lên 100% đối với các nhóm thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi. Nhằm bảo đảm công bằng xã hội ước tính 4.567.435.752 đồng . Tổng kinh phí tỉnh hỗ trợ dự kiến thuộc của UBND tỉnh: 13.547.255.736 đồng gây khó khăn cho cân đối kinh phí.	
	+ Khoản 3: Kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp quy định cụm từ " <i>vận động</i> ", do vậy làm rõ việc hỗ trợ 25% đóng góp của doanh nghiệp và hỗ trợ cho cơ sở giáo dục thực hiện chương trình có đảm bảo thực hiện không? Doanh nghiệp có cam kết đồng hành cùng chương trình hay không?	Hiện nay các đơn vị đã tham gia đấu thầu sữa thực hiện trong khoảng thời gian 2021-2025 đều nhất trí hỗ trợ. Trong quá trình xây dựng hồ sơ mời thầu tiêu chí hỗ trợ 25% giá sữa được đưa vào hồ sơ mời thầu là tiêu chí bắt buộc.	
	Làm rõ quy định doanh nghiệp " <i>hỗ trợ 25% khối lượng sữa</i> " với nội dung quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 2 " <i>hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa</i> ", 2 nội dung này có sự khác nhau hay không? Đề nghị thống nhất trong cách sử dụng từ tránh có cách hiểu khác nhau.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	

PHỤ LỤC III

**Giải trình, tiếp thu ý kiến chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học
tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030**

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Thông báo số 214/TB-HĐND ngày 10/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030 theo điểm c, khoản 01 Điều 21 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định Biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.”

Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030 theo đúng trình tự quy định gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030. Đồng thời giải trình những ý kiến các cơ quan, đơn vị yêu cầu làm rõ thêm.

2. Nội dung tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo nghị quyết sau thẩm định, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Ý kiến	Giải trình tiếp thu, chỉnh sửa
1.	SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO		
1.1.	Tại Khoản 1. Phạm vi điều chỉnh	<p>Dự thảo quy định “Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030”</p> <p>Đề nghị bổ sung và sửa thành “Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030” cho chính xác.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
1.2	Tại Khoản 2. Đối tượng áp dụng	<p>2.2. Khoản 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>- Đề nghị bỏ đoạn “Áp dụng tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (cơ sở giáo dục có quyết định thành lập và hoạt động theo quy định; bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất để bảo quản sữa theo quy định và tự nguyện tham gia hoạt động hỗ trợ sửa) với các đối tượng sau:” do không cần thiết.</p> <p>- Điểm a, dự thảo quy định “Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học” Bổ sung và sửa thành “Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh” cho đầy đủ</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
2	TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA DỰ THẢO		
2.1.	Phần Căn cứ pháp lý	<p>Đề nghị bổ sung các căn cứ “Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
2.2.	Điều 2. Nội dung và nguồn lực hỗ trợ		
2.2.1.	2.1. Tên Điều	<p>Dự thảo quy định “Nội dung và nguồn lực hỗ trợ”, tuy nhiên, nội dung tại Điều 2 dự thảo lại quy định về “nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ, hình thức hỗ trợ”.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

		Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét về việc đặt tên Điều phản ánh khái quát, đúng với nội dung Điều quy định.	
2.2.2.	Khoản 1. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ		
		<p>- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, thứ hai và thứ ba điểm a: dự thảo sử dụng cụm từ Phụ huynh đóng góp 25%, 50%, 75% kinh phí mua sữa.</p> <p>Qua rà soát các quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Tư pháp không thấy sử dụng cụm từ phụ huynh. Do vậy đề nghị xem xét lại việc sử dụng cụm từ này. Tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 hiện đang sử dụng cụm từ gia đình.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>- Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, dự thảo quy định: “Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi (có giấy xác nhận của chính quyền địa phương) được hỗ trợ 75% kinh phí mua sữa (Trong đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%; doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa); phụ huynh đóng góp 25% kinh phí mua sữa”.</p> <p>Đối với cụm từ “con thương binh”, đề nghị rà soát xem việc sử dụng cụm từ này đã đầy đủ chưa. Theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020 thì còn quy định đối tượng bệnh binh. Đối với cụm từ “trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi”, tại dự thảo áp dụng đối với 02 đối tượng là trẻ mầm non và học sinh tiểu học, do vậy đề nghị rà soát lại cụm từ trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi để bảo đảm quy định được đầy đủ, rõ ràng.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

-		<p>- Điểm b và c dự thảo quy định “b) Hỗ trợ kinh phí theo năm học cho công tác tuyên truyền, triển khai, giám sát thực hiện các hoạt động hỗ trợ sữa từ năm học 2026-2027 đến hết năm học 2029-2030.</p> <p>c) Hỗ trợ các cơ sở giáo dục chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa với tỷ lệ 1.5% dựa trên số liệu tổng kinh phí mua sữa do phụ huynh đóng góp hàng tháng. Thời gian hỗ trợ trong 09 tháng thực học/năm học và đến hết năm học 2029-2030”</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét về việc nội dung hỗ trợ tại 02 điểm còn có nội dung trùng lặp. Xem xét về việc đưa ra mức hỗ trợ cụ thể cho các cơ sở giáo dục theo tháng.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
2.2.3.	Khoản 2. Thời gian, hình thức hỗ trợ		
-		<p>- Điểm a, dự thảo quy định “Thời gian hỗ trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 (gồm 04 năm học 2026-2027; 2027-2028; 2028-2029; 2029-2030): mỗi năm học thực hiện 09 tháng tính từ 01 tháng 9 năm trước đến hết 31 tháng 5 năm sau (04 năm tương ứng với 36 tháng)”</p> <p>Bổ sung và sửa thành “Thời gian hỗ trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 (gồm 04 năm học 2026-2027; 2027-2028; 2028-2029; 2029-2030): mỗi năm học thực hiện 09 tháng tính từ ngày 01 tháng 9 năm trước đến hết ngày 31 tháng 5 năm sau (04 năm tương ứng với 36 tháng)” cho chính xác.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>- Điểm b, dự thảo quy định “Hình thức hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ mua sữa, hỗ trợ triển khai cung cấp sữa được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường theo phân cấp ngân sách hiện hành”.</p> <p>Tên của Điểm này là hình thức hỗ trợ, nhưng nội dung lại quy định về kinh phí hỗ trợ. Đề nghị xem xét bổ sung quy định rõ hình thức hỗ trợ theo tiêu đề của Điểm này. Đối với nội dung về kinh phí hỗ trợ, đề nghị tổng hợp chuyển xuống Điều 5 của dự thảo quy định về Nguồn kinh phí thực hiện</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

2.3	Điều 4. Tiêu chuẩn về sữa	<p>- Sửa thành “Điều 3. Tiêu chuẩn về sữa”.</p> <p>- Dự thảo quy định “Sữa tươi tiệt trùng đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng theo quy định hiện hành của pháp luật về sữa và có hạn sử dụng từ 180 ngày trở lên kể từ ngày sản xuất, sữa khi được đưa đến trẻ em và học sinh uống phải đảm bảo 60 ngày trước khi hết hạn sử dụng được ghi trên hộp.” Đề nghị xem xét, diễn đạt lại nội dung tại Điều này để hiểu hơn, tránh trùng lặp. Cần nhắc về việc sửa thành “Sữa tươi tiệt trùng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng theo quy định của pháp luật hiện hành; có thời hạn sử dụng tối thiểu 180 ngày kể từ ngày sản xuất. Tại thời điểm giao nhận cho trẻ em, học sinh, sản phẩm phải có thời hạn sử dụng còn lại tối thiểu 60 ngày so với hạn sử dụng ghi trên bao bì”.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
2.4	Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện		
		<p>- Sửa thành “Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện” cho chính xác.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		<p>- Dự thảo quy định:</p> <p>“1. Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học thuộc diện được hỗ trợ giai đoạn 2026 – 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền, triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.</p> <p>2. Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học thuộc diện được hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện thanh toán cho Công ty cung cấp sữa qua Kho bạc khi có hồ sơ đề nghị thanh toán của phòng Văn hoá – Xã hội.</p> <p>3. Vận động doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa và kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa.”</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo diễn đạt lại nội dung quy định tại Điều này, việc quy định như vậy được hiểu kinh phí là ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%, ngân sách cấp xã hỗ trợ 50% và doanh nghiệp hỗ trợ 25% (tổng kinh phí 125%)?</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị giữ nguyên</p> <p>Lý do: Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách xã chỉ đảm bảo tỷ lệ trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học thuộc diện được hỗ trợ giai đoạn 2026 – 2030. Còn doanh nghiệp hỗ trợ 25% tổng toàn bộ kinh phí mua sữa thực hiện chương trình</p>

		<p>- Quy định tại khoản 3 “Vận động doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa và kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa.”</p> <p>Quy định này không thống nhất với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo “Hỗ trợ các cơ sở giáo dục chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa với tỷ lệ 1.5% dựa trên số liệu tổng kinh phí mua sữa do phụ huynh đóng góp hàng tháng”</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định thống nhất việc kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa từ nguồn nào? Doanh nghiệp hay phụ huynh hỗ trợ?</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
2.5	Điều 5. Tổ chức thực hiện	<p>Khoản 2, dự thảo quy định “Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.</p> <p>Bỏ từ “của” và sửa thành “Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết” cho chính xác.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
3	VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN		
3.1.	Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày		
3.1.1.	Dự thảo Nghị quyết	<p>- Sửa lại dự thảo Nghị quyết bảo đảm theo đúng Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (bỏ phần thẩm quyền ban hành văn bản sau tên của Nghị quyết).</p> <p>- Rà soát, sửa lại lỗi đánh máy tại toàn bộ dự thảo (lỗi viết nghiêng, đậm tại phần căn cứ pháp lý, khoản 2 Điều 1, khoản 2 Điều 2).</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa

3.1.2.	Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh		
		- Đề nghị sửa lại Tờ trình theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		- Sửa phần kính gửi, khổ cuối khoản 1, phần I và phần cuối Tờ trình từ “Thường trực HĐND tỉnh” thành “Hội đồng nhân dân tỉnh”	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		- Khoản 1, phần I (trang 7), sửa căn cứ “...theo quy định tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương” thành “Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định HĐND tỉnh: “l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa
		- Khoản 2, phần I (trang 2) dự thảo quy định “Sửa cung cấp cho Chương trình đảm bảo cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo đúng các quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế”. Tuy nhiên, Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế đã được bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2023/TT-BYT ngày 14/4/2023 của Bộ Y tế. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ nội dung liên quan đến Thông tư số 31/2019/TT-BYT, tránh quy định theo văn bản đã hết hiệu lực.	Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị giữ nguyên Lý do: Thực tiễn thực hiện chương trình Sửa học đường trong giai đoạn 2021-2023 Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế vẫn còn hiệu lực.

3.1.3.	Hồ sơ kèm theo	<p>Một số thành phần hồ sơ chưa đúng theo Mẫu quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát bố cục lại các nội dung cho thống nhất, chính xác, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách chưa đúng Mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Bản so sánh, thuyết minh chưa có nội dung thuyết minh mà đang quy định lại nội dung dự thảo Nghị quyết. - Báo cáo việc rà soát các VBQPPL: dự thảo đang thống kê các quy định hiện đã hết hiệu lực. Đề nghị rà soát, cập nhật. 	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu chỉnh sửa</p>
3.2.	Về trình tự, thủ tục soạn thảo	<p>- Đề nghị thực hiện việc đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 5 Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh (chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất 30 ngày).</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu</p> <p>Sở GDĐT đã ban hành văn bản số 1142/SGDĐT-HCTH ngày 26/3/2026 về việc đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 lên cổng thông tin điện tử của tỉnh thực hiện đăng tải theo đúng quy định.</p>

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ triển khai cung cấp sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.